

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG CÔN TRÙNG
NĂM 2021, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

Phần 1:

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG CÔN TRÙNG NĂM 2021

I. PHÒNG CHỐNG VÉC TƠ SÓT RÉT

1. Kết quả giám sát véc tơ

1.1. Giám sát véc tơ sốt rét:

Khu vực miền Bắc: Tổ chức giám sát véc tơ sốt rét và biện pháp phun, tẩm tại 5 tỉnh với 9 lượt giám sát gồm các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kạn, Hà Giang, Lào Cai. Muỗi chủ yếu bắt được bằng phương pháp soi chuồng gia súc ban đêm, các phương pháp khác có mật độ thấp. Nhìn chung, mật độ véc tơ chính *An. minimus* thấp ở một số điểm điều tra, trừ 3 điểm có mật độ *An. minimus* cao bằng phương pháp soi chuồng gia súc ban đêm ở Chu Hương, (Bắc Kạn) với mật độ soi gia súc từ 4,31 - 7,69 con/giờ/người, còn lại hầu hết các tỉnh đều bắt được các véc tơ phụ như *An. aconitus*, *An. jeyporiensis*, *An. maculatus*.

Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên: Thực hiện 5 đợt giám sát véc tơ sốt rét tại 9 điểm thuộc 5 tỉnh: Nghệ An, Phú Yên, Quảng Nam, Ninh Thuận, Đắk Nông. Kết quả giám sát cho thấy có 2/9 điểm bắt được véc tơ sốt rét chính *An. dirus* (Phước Bình, Bắc Ái, Ninh Thuận) và *An. minimus* (Châu Hội, Quỳnh Châu, Nghệ An) với mật độ thấp. Tại các điểm điều tra hầu hết đều thu thập được các véc tơ phụ *An. aconitus*, *An. maculatus*. Muỗi *An. sinensis* và *An. vagus* tại các điểm điều tra hầu hết có mật độ cao ở phương pháp soi chuồng gia súc ban đêm.

Khu vực Miền Nam: Tổ chức 04 đợt giám sát véc tơ tại tỉnh Bình Phước, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng. Các điểm điều tra ở các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng thu thập được véc tơ chính *An. epiroticus* có mật độ cao bằng phương pháp mời người trong và ngoài nhà ở thôn. Ngoài ra, véc tơ phụ *An. maculatus* có mật độ không cao tại xã Tân Lập, huyện Đông Phú, Bình Phước.

1.2. Mức độ nhạy cảm của véc tơ sốt rét với các hóa chất diệt côn trùng

Năm 2021, đánh giá mức độ nhạy cảm của 09 loài muỗi sốt rét gồm: *An. aconitus*, *An. minimus*, *An. epiroticus*, *An. jeyporiensis*, *An. maculatus*, *An. kochi*, *An. philippinensis*, *An. tessellatus*, *An. sinensis*, *An. vagus* đã được thử nhạy cảm (bioassay) tại các điểm điều tra với 4 loại giấy tẩm hoá chất diệt côn trùng là

alphacypermethrin 30 mg/m² (41 điểm), lambdacyhalothrin 0,05% (10 điểm), deltamethrin 0,05% (22 điểm) và permethrin 0,75% (04 điểm).

Bảng 1. Kết quả thử nhạy cảm với alphacypermethrin 30 mg/m²

TT	Địa điểm (Xã, Huyện, Tỉnh)	Loài muỗi	Tỷ lệ chết (%)	Nhận xét
1	Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn	<i>An. minimus</i>	100	Nhạy
2	Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn	<i>An. jeyporiensis</i>	100	Nhạy
3	Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn	<i>An. aconitus</i>	100	Nhạy
4	Đồng Phúc, Ba Bể, Bắc Kạn	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
5	Pa Ủ, Mường Tè, Lai Châu	<i>An. maculatus</i>	100	Nhạy
6	Tá Bạ, Mường Tè, Lai Châu	<i>An. maculatus</i>	100	Nhạy
7	Pa Vệ Sủ, Mường Tè, Lai Châu	<i>An. maculatus</i>	100	Nhạy
8	Mường Pồn, Điện Biên, Điện Biên	<i>An. maculatus</i>	100	Nhạy
9	Mường Pồn, Điện Biên, Điện Biên	<i>An. kochi</i>	100	Nhạy
10	Hua Thanh, Điện Biên, Điện Biên	<i>An. sinensis</i>	47	Kháng
11	A Mú Sung, Bát Xát, Lào Cai	<i>An. kochi</i>	100	Nhạy
12	Bản Vược, Bát Xát, Lào Cai	<i>An. sinensis</i>	57	Kháng
13	Bản Ngò, Xín Mần, Hà Giang	<i>An. maculatus</i>	98	Nhạy
14	Cốc Ré, Xín Mần, Hà Giang	<i>An. maculatus</i>	98	Nhạy
15	Châu Hội, Quỳnh Châu, Nghệ An	<i>An. kochi</i>	99	Nhạy
16	Châu Hội, Quỳnh Châu, Nghệ An	<i>An. philippinensis</i>	96	Có thể kháng
17	Châu Hội, Quỳnh Châu, Nghệ An	<i>An. sinensis</i>	20	Kháng
18	Tiền Phong, Quế Phong, Nghệ An	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
19	Tiền Phong, Quế Phong, Nghệ An	<i>An. tessellatus</i>	100	Nhạy
20	Xuân Quang 1, Đồng Xuân, Phú Yên	<i>An. vagus</i>	35	Kháng
21	Phú Mỹ, Đồng Xuân, Phú Yên	<i>An. vagus</i>	38	Kháng
22	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. sinensis</i>	31	Kháng
23	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
24	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. vagus</i>	19	Kháng
25	Thị trấn Tân Phú, Đồng Phú, Bình Phước	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
26	Sơn Lư, Quan Sơn, Thanh Hóa	<i>An. sinensis</i>	31	Kháng
27	Cư Kbang, Ea Súp, Đắk Lắk	<i>An. sinensis</i>	49	Kháng
28	Nam Thái, An Biên, Kiên Giang	<i>An. epiroticus</i>	50	Kháng
29	Ea Lê, Ea Súp, Đắk Lắk	<i>An. sinensis</i>	66	Kháng
30	An Trạch, Đông Hải, Bạc Liêu	<i>An. epiroticus</i>	78	Kháng
31	Cư Kbang, Ea Súp, Đắk Lắk	<i>An. vagus</i>	80	Kháng
32	Lai Hòa, Thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	<i>An. epiroticus</i>	80	Kháng

TT	Địa điểm (Xã, Huyện, Tỉnh)	Loài muỗi	Tỷ lệ chết (%)	Nhận xét
33	Ea Lê, Ea Súp, Đắc Lắc	<i>An.vagus</i>	82	Kháng
34	Hương Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	<i>An.philippinensis</i>	99	Nhạy
35	Hương Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	<i>An.vagus</i>	99	Nhạy
36	Phúc Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	<i>An.vagus</i>	99	Nhạy
37	Phúc Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	<i>An.philippinensis</i>	100	Nhạy
38	Quyết Chiến, Tân Lạc, Hòa Bình	<i>An. minimus</i>	100	Nhạy
39	Phú Sơn, Lâm Hà, Lâm Đồng	<i>An.philippinensis</i>	100	Nhạy
40	Khánh Thành, Khánh Vĩnh, Khánh Hòa	<i>An.philippinensis</i>	100	Nhạy
41	Mô rai, Sa thầy Kontum	<i>An.minimus</i>	100	Nhạy

Các quần thể đã kháng với alphacypermethrin: *An. epiroticus* ở Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng; *An. sinensis* ở Điện Biên, Lào Cai, Nghệ An, Đắk Nông, Thanh Hóa, Đắc Lắc; *An. vagus* ở Phú Yên, Hà Tĩnh và Đắk Nông.

Các quần thể: *An. minimus*, *An. aconitus*, *An. jeyporiensis*, *An. maculatus*, *An. kochi*, *An. philippinensis*, *An. tessellatus* còn nhạy cảm với hóa chất alphacypermethrin.

Bảng 2. Kết quả thử nhạy cảm với lambdacyhalothrin 0,05%

TT	Địa điểm (Xã, Huyện,)	Loài muỗi	Tỷ lệ chết (%)	Nhận xét
1	Pa Ủ, Mường Tè, Lai Châu	<i>An. maculatus</i>	100	Nhạy
2	Pa Vệ Sủ, Mường Tè, Lai Châu	<i>An. maculatus</i>	100	Nhạy
3	Mường Pồn, Điện Biên, Điện Biên	<i>An. kochi</i>	100	Nhạy
4	Hua Thanh, Điện Biên, Điện Biên	<i>An. kochi</i>	100	Nhạy
5	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. sinensis</i>	20	Kháng
6	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
7	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. vagus</i>	27	Kháng
8	Thị trấn Tân Phú, Đòng Phú, Bình Phước	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
9	Nam Thái, An Biên, Kiên Giang	<i>An. epiroticus</i>	53	Kháng
10	Lai Hòa, Thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	<i>An. epiroticus</i>	84	Kháng

Các quần thể đã kháng với lambdacyhalothrin: *An. epiroticus* ở Kiên Giang và Sóc Trăng; *An. sinensis* và *An. vagus* ở Đắk Nông.

Các quần thể: *An. maculatus*, *An. kochi*, *An. philippinensis* còn nhạy cảm với lambdacyhalothrin.

Bảng 3. Kết quả thử nhạy cảm với deltamethrin 0,05%

TT	Địa điểm (Xã, Huyện,)	Loài muỗi	Tỷ lệ chết (%)	Nhận xét
1	Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn	<i>An. minimus</i>	100	Nhạy
2	Đông Phúc, Ba Bể, Bắc Kạn	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
3	Pa Ủ, Mường Tè, Lai Châu	<i>An. maculatus</i>	100	Nhạy
4	A Mú Sung, Bát Xát, Lào Cai	<i>An. tessellatus</i>	100	Nhạy
5	Tiền Phong, Quế Phong, Nghệ An	<i>An. philippinensis</i>	99	Nhạy
6	Tiền Phong, Quế Phong, Nghệ An	<i>An. tessellatus</i>	100	Nhạy
7	Xuân Quang 1, Đông Xuân, Phú Yên	<i>An. vagus</i>	32	Kháng
8	Phú Mỹ, Đông Xuân, Phú Yên	<i>An. vagus</i>	47	Kháng
9	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
10	Thị trấn Tân Phú, Đông Phú, Bình Phước	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
11	Cư Khang, Ea Súp, Đắk Lắk	<i>An. sinensis</i>	37	Kháng
12	Sơn Lư, Quan Sơn, Thanh Hóa	<i>An. sinensis</i>	38	Kháng
13	Ea Lê, huyện Ea Súp, Đắk Lắk	<i>An. sinensis</i>	49	Kháng
14	Nam Thái, An Biên, Kiên Giang	<i>An. epiroticus</i>	57	Kháng
15	An Trạch, huyện Đông Hải Bạc Liêu	<i>An. epiroticus</i>	72	Kháng
16	Lai Hòa, Thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	<i>An. epiroticus</i>	78	Kháng
17	Hương Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	<i>An. vagus</i>	98	Nhạy
18	Khánh Thành, Khánh Vĩnh, Khánh Hòa	<i>An. philippinensis</i>	98	Nhạy
19	Phú Sơn Lâm Hà, Lâm Đồng	<i>An. philippinensis</i>	99	Nhạy
20	Phúc Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	<i>An. vagus</i>	100	Nhạy
21	Quyết Chiến, Tân Lạc, Hòa Bình	<i>An. minimus</i>	100	Nhạy
22	Mô rai, Sa Thầy, Kon Tum	<i>An. minimus</i>	100	Nhạy

Quần thể đã kháng với deltamethrin: *An. epiroticus* tại Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng; *An. sinensis* tại Đắk Lắk, Thanh Hóa; *An. vagus* tại Phú Yên.

Các quần thể còn nhạy cảm với deltamethrin: *An. minimus*, *An. maculatus*, *An. philippinensis*, *An. tessellatus*.

Bảng 4. Kết quả thử nhạy cảm với permethrin 0,75%

TT	Địa điểm (Xã, Huyện,)	Loài muỗi	Tỷ lệ chết (%)	Nhận xét
1	Đông Phúc, Ba Bể, Bắc Kạn	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
2	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. sinensis</i>	17	Kháng
3	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy
4	Thị trấn Tân Phú, Đông Phú, Bình Phước	<i>An. philippinensis</i>	100	Nhạy

Quần thể *An. sinensis* tại Đắk Nông đã kháng với permethrin.

Các quần thể: *An. philippinensis* còn nhạy cảm với permethrin.

2. Giám sát công tác phòng chống véc tơ

2.1. Quản lý vật tư, hóa chất

Năm 2021, Hoá chất đang được sử dụng trong phòng chống véc tơ sốt rét là Fendona 10SC (alphacypermethrin) đã được cung cấp đủ theo kế hoạch đã được phê duyệt. Việc quản lý, bảo quản bình bơm, hoá chất nói chung là tốt và được giao cho tuyến huyện. Phân phối hoá chất và sử dụng đúng mục đích, đúng chỉ định chuyên môn. Sau mỗi đợt phun tẩm vỏ chai hoá chất được thu gom và có hội đồng thiêu huỷ. Bình bơm đều được kiểm tra trước khi sử dụng và rửa sạch trước khi bảo quản trong kho. Các bộ phận của bình bơm hay hỏng nhất là các doăng cao su ở nắp bình, ở vòi và một số bộ phận khác như đầu vòi, van.

2.2. Chỉ định biện pháp và tổ chức thực hiện phòng chống véc tơ

Năm 2021, các địa phương đã lập kế hoạch, triển khai các biện pháp phòng chống véc tơ đảm bảo tiến độ; Chỉ đạo vùng phun, tẩm phù hợp với hướng dẫn giám sát sốt rét của Bộ Y tế.

Các chỉ số điều tra liên quan đến phòng chống véc tơ sốt rét tại hộ gia đình đã tiến hành ở 17 điểm trên toàn quốc.

Bảng 5. Kết quả điều tra các chỉ số liên quan đến phòng chống véc tơ

TT	Địa điểm (xã, huyện,)	*Loại vách chủ yếu (%)	Diện tích phun trung bình m ² /người	Tỷ lệ nhà được phun thực tế (%)	Tỷ lệ màn bình quân (người/màn)	Tỷ lệ người ngủ màn thường xuyên (%)	Tỷ lệ người ngủ sau 22 giờ (%)	Tỷ lệ hộ ngủ rầy (%)	Tỷ lệ người ngủ rầy (%)
1	Pa Ủ, Mường Tè, Lai Châu	79,5L	12,6	89,3	2,95	57,4	14,11	47,09	58,20
2	Thu Lũm, Mường Tè, Lai Châu	43,33B	14,7	90	2,75	68,15	7,64	36,67	17,20
3	Ka Lãng, Mường Tè, Lai Châu	80,0W	22,48	86,67	2,37	69,72	9,0	6,67	2,11
4	Tả Bạ, Mường Tè, Lai Châu	56,51W	19,84	81,47	2,39	81,44	4,8	40,16	18,08
5	Pa Vệ Sủ, Mường Tè, Lai Châu	88,52W	19,95	82,37	2,13	93,85	7,8	23,6	9,04
6	Bum Tở, Mường Tè, Lai Châu	70,73W	24,45	85,37	1,99	96,77	0,65	41,46	18,06
7	Vàng San, Mường Tè, Lai Châu	76,47W	23,42	91,18	2,34	93,33	2,0	14,71	5,33
8	Đồng Phúc, Ba Bể, Bắc Kạn	64,48B	29,79		1,34	100	32,14	0	0
9	Mú Sung, Bát Xát, Lào Cai	89,23B	20,64		1,71	96,0	5,6	0	0
10	Bản Vược, Bát Xát, Lào Cai	89,61B	19,21		1,53	96,28	7,62	0	0
11	Bản Ngò, Xín Mần, Hà Giang	76,67W	31,46		1,71	93,29	5,37	0	0
12	Cốc Rế, Xín Mần, Hà Giang	73,33W	37,09		1,55	94,74	6,24	0	0
13	Xuân Quang 1, Đồng Xuân, Phú Yên	92,0B	18,06		1,31	96,27	2,27	70,29	27,97
14	Phú Mỡ, Đồng Xuân, Phú Yên	91,0B	25,37		1,22	100	14,6	64,28	24,13

TT	Địa điểm (xã, huyện,)	*Loại vách chủ yếu (%)	Diện tích phun trung bình m ² /người	Tỷ lệ nhà được phun thực tế (%)	Tỷ lệ màn bình quân (người/màn)	Tỷ lệ người ngủ màn thường xuyên (%)	Tỷ lệ người ngủ sau 22 giờ (%)	Tỷ lệ hộ ngủ rầy (%)	Tỷ lệ người ngủ rầy (%)
15	Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông	88,26B	14,35		1,76	97,15	15,31	16,37	10,02
16	Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước	84,26B	13,07		1,76	97,68	9,59	7,14	0
17	TT Tân Phú, Đồng Phú, Bình Phước	91,13B	14,51		1,82	98,14	12,16	0	0

Ghi chú: W: Gỗ; B: Gạch; L: Nứa, lá

Tổng số điểm điều tra là 17, tỷ lệ tường vách bằng 3 loại vật liệu chủ yếu là gỗ 07 điểm, gạch 09 điểm, vật liệu khác 01 điểm; 100% các hộ điều tra nhà có vách kín.

Độ bao phủ màn có 8/17 điểm có tỷ lệ màn trung bình trên 1,82 người/màn là chưa đạt so với quy định ($\leq 1,8$ người /màn): xã Pa Ủ, xã Thu Lũm, xã Ka Lăng, xã Tá Bạ, xã Pa Vệ Sủ, xã Bum Tở, xã Vàng San (Mường Tè, Lai Châu), Thị trấn Tân Phú (Đồng Phú, Bình Phước). Tỷ lệ ngủ màn thường xuyên cao (từ 57,4 - 100%). Có 10/17 điểm có người ngủ rầy, đặc biệt có một điểm tỷ lệ người ngủ rầy cao 58,20% tại xã Pa Ủ (Mường Tè, Lai Châu).

2.3. Hiệu lực tồn lưu của hoá chất phun tồn lưu, tẩm màn

Năm 2021, đã đánh giá được hiệu lực tồn lưu của hóa chất trên tường gỗ, có các điểm sau.

Bảng 6. Kết quả thử tồn lưu trên các vật liệu

TT		Loài muỗi thử	Vật liệu thử	Hóa chất phun tẩm	Sau thời gian (ngày)	Tỷ lệ muỗi chết (%)
1	Lai Châu	<i>An. maculatus</i>	Tường gỗ	Fendona 10 SC	7	88
2	Lai Châu	<i>An. maculatus</i>	Tường gỗ	Han-Cyctox 10 SC	32	79

Tại các điểm phun tồn lưu, tường vách bằng gỗ sau 7 ngày phun Fendona 10SC và sau 32 ngày phun Han-Cyctox vẫn còn hiệu lực diệt tồn lưu với *An. maculatus*.

3. Đánh giá chung

3.1. Véc tơ sốt rét

Véc tơ chính *An. minimus* các điểm chủ yếu thu thập được bằng phương pháp soi chuồng gia súc ban đêm và có mật độ thấp.

Véc tơ chính *An. dirus* chủ yếu thu thập được trong rừng, rẫy và có mật độ thấp bằng phương pháp mời người trong rừng, trong và ngoài nhà rẫy.

Véc tơ chính *An. epiroticus* chủ yếu thu thập được ở vùng ven biển Nam Bộ và có mật độ thấp bằng phương pháp mời người trong và ngoài nhà ở thôn.

Các véc tơ phụ ở đa số các điểm điều tra, có mật độ cao bằng phương pháp soi chuồng gia súc, tuy nhiên có một số điểm bắt được bằng phương pháp mời người.

3.2. Mức độ nhạy cảm của véc tơ sốt rét với các hóa chất diệt côn trùng

Các véc tơ *An. minimus*, *An. aconitus*, *An. jeyporiensis*, *An. maculatus* nhạy cảm với các hóa chất alphacypermethrin, lambdacyhalothrin, deltamethrin và permethrin.

Các véc tơ *An. epiroticus*, *An. sinensis* và *An. vagus* đã kháng và có thể kháng với các hóa chất alphacypermethrin, lambdacyhalothrin, deltamethrin và permethrin.

3.3. Công tác phòng chống véc tơ

Các địa phương đã thực hiện tốt chỉ đạo của chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét, có kế hoạch và thực hiện đảm bảo tiến độ. Hầu hết các điểm có độ bao phủ màn đạt yêu cầu, tỷ lệ ngủ màn thường xuyên cao.

II. PHÒNG CHỐNG VÉC TƠ SỐT XUẤT HUYẾT

1. Mục tiêu

Góp phần làm giảm tỷ lệ mắc, tử vong do sốt xuất huyết, khống chế không để dịch lớn xảy ra, xã hội hóa công tác phòng chống sốt xuất huyết.

2. Các hoạt động cụ thể

Thực hiện 05 đợt giám sát hoạt động phòng chống sốt xuất huyết dengue (SXHD), đánh giá hiện trạng véc tơ SXHD và công tác phòng chống véc tơ tại địa phương. Giám sát hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, quăng tại hộ gia đình thuộc 05 tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng và Thanh Hóa.

Xác định độ nhạy cảm của muỗi *Aedes aegypti* và *Aedes albopictus* với 03 hóa chất diệt côn trùng: Deltamethrin; Permethrin và Malathion.

2.1. Kết quả giám sát các hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh đã xây dựng kế hoạch cụ thể về điều tra, giám sát định kỳ véc tơ sốt xuất huyết từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2021 cho các điểm Huyện/Thành Phố đặc biệt là các xã điểm. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

- Tại CDC tỉnh luôn chuẩn bị vật tư, hóa chất trang thiết bị như máy phun ULV để chủ động phòng chống SXHD khi có dịch xảy ra.

- Thực hiện công tác giám sát véc tơ đúng theo quy định, đồng thời thực hiện chiến dịch vệ sinh môi trường nhằm làm giảm mật độ véc tơ truyền bệnh.

- Xây dựng kế hoạch giám sát hỗ trợ chuyên môn các đơn vị trong công tác phòng chống SXHD.

- Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình phòng chống sốt xuất huyết và ca bệnh sốt xuất huyết, xử lý ổ dịch sốt xuất huyết theo Quyết định 3711/QĐ-BYT.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông phòng chống sốt xuất huyết bằng các hình thức loa, đài và tờ rơi tới tận các điểm xã/phường, các hộ ra đình và người dân.

2.2. Kết quả giám sát véc tơ

Đã giám sát được 10 điểm thuộc 5 tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng và Thanh Hóa. Kết quả được thể hiện tại các bảng 7, 8.

Bảng 7. Chỉ số mật độ muỗi, bọ gậy *Aedes aegypti* tại các điểm giám sát

TT	Địa điểm (Xã/Huyện/Tỉnh)	Chỉ số muỗi		Chỉ số bọ gậy		
		MĐM (con/nhà)	NCM (%)	BI	NC BG	DCCNC BG (%)
1	P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, Hải Phòng	0,17	26,6	23,3	20,0	21,6
2	P. Đông Hải, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	0,13	36,6	26,6	36,6	14,2

Bảng 8. Chỉ số mật độ muỗi, bọ gậy *Aedes albopictus* tại các điểm giám sát

T T	Địa điểm (Xã/Huyện/Tỉnh)	Chỉ số muỗi		Chỉ số bọ gậy		
		MĐM (con/nhà)	NC M (%)	BI	NC BG	DC CNC BG (%)
1	P. Hội Hợp, TP Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	0,18	10,0	13	10,0	14,8
2	X. Trung Nguyên, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	0,08	6,0	26	20,0	12,7
3	P. Vạn An, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	0,03	8,3	63	29,2	37,5
4	P. Ninh Xá, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh	0,24	10,0	38	24,0	28,4
5	P. Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	0,07	3,3	16	16,7	13,2
6	X. Quan Lạn, H. Vân Đồn, Quảng Ninh	0,09	3,0	21	25,5	36,0

T T	Địa điểm (Xã/Huyện/Tỉnh)	Chỉ số muỗi		Chỉ số bọ gậy		
		MĐM (con/ nhà)	NC M (%)	BI	NC BG	DC CNC BG (%)
7	P. Đông Hải, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	1,77	16,7	53	23,3	40,0
8	X. Quảng Trung, Quảng Xương, Thanh Hóa	0,37	36,6	46	26,6	14,1
9	P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, Hải Phòng	1,50	26,6	20	21,6	43,3
10	X. An Hồng, H. An Dương, Hải Phòng	0,43	16,7	47	33,3	31,1

Kết quả cho thấy trong 10 điểm điều tra có 2 điểm thu được cả 2 loài *Ae. aegypti* và *Ae. albopictus* và tất cả các điểm đều thu được loài *Ae. albopictus* với mật độ muỗi, bọ gậy khác nhau. *Ae. aegypti* có mật độ cao tại P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, Hải Phòng (0,17 con/nhà). Loài *Ae. albopictus* có mật độ cao tại một số điểm: P. Đông Hải, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa (1,77 con/nhà); P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, Hải Phòng (1,5 con/nhà); X. An Hồng, H. An Dương, Hải Phòng (0,43 con/nhà), thấp nhất phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh 0,03 con/nhà.

2.2. Mức độ nhạy cảm của véc tơ sốt xuất huyết với hóa chất diệt côn trùng

2.2.1. Mức độ nhạy cảm của *Aedes aegypti* với hóa chất diệt côn trùng

Bảng 9. Kết quả thử nhạy cảm muỗi *Aedes aegypti* với hóa chất diệt côn trùng

T T	Địa điểm	Giấy tẩm hóa chất	Tỷ lệ muỗi chết (%)	Nhận xét
1	P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	Deltamethrin 0,05%	87	Kháng
		Permethrin 0,75%	85	Kháng
		Malathion 5%	100	Nhạy
2	P. Đông Hải, TP. Thanh Hóa	Deltamethrin 0,05%	88	Kháng
		Permethrin 0,75%	95	Có thể kháng
		Malathion 5%	100	Nhạy

Kết quả thử nhạy cảm muỗi *Ae. aegypti* thu thập tại phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP Hải Phòng và phường Đông Hải, TP Thanh Hóa với một số hóa chất diệt côn trùng deltamethrin (0,05%), permethrin (0,75%) và malathion 5%, cho thấy: Các quần thể muỗi *Aedes aegypti* tại 2 điểm đã kháng với deltamethrin, permethrin. Riêng hóa chất Permethrin 0,75% thử nhạy cảm với quần thể muỗi tại phường Đông Hải, TP. Thanh Hóa có thể kháng. Trong khi đó tất cả các điểm thu được *Aedes aegypti* còn nhạy cảm malathion 5%.

2.2.2. Mức độ nhạy cảm của *Aedes albopictus* với hóa chất diệt côn trùng

Bảng 10. Kết quả thử nhạy cảm với một số hóa chất diệt côn trùng của muỗi *Aedes albopictus* với hóa chất diệt côn trùng

T T	Địa điểm (Xã/ Huyện/Tỉnh)	Giấy tẩm hóa chất	Tỷ lệ muỗi chết (%)	Nhận xét
1	P. Hội Hợp, TP Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Deltamethrin 0,05%	100	Nhạy
		Permethrin 0,75%	99	Nhạy
		Malathion 5%	100	Nhạy
2	X. Trung Nguyên, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Deltamethrin 0,05%	92	CTK
		Permethrin 0,75%	94	CTK
		Malathion 5%	100	Nhạy
3	P. Vạn An, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	Deltamethrin 0,05%	93	CTK
		Permethrin 0,75%	100	Nhạy
		Malathion 5%	100	Nhạy
4	P. Ninh Xá, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Deltamethrin 0,05%	99	Nhạy
		Permethrin 0,75%	100	Nhạy
		Malathion 5%	100	Nhạy
5	P. Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	Deltamethrin 0,05%	91	CTK
		Permethrin 0,75%	92	CTK
		Malathion 5%	100	Nhạy
6	X. Quan Lạn, H. Vân Đồn, Quảng Ninh	Deltamethrin 0,05%	100	Nhạy
		Permethrin 0,75%	100	Nhạy
		Malathion 5%	100	Nhạy
7	P. Đông Hải, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	Deltamethrin 0,05%	100	Nhạy
		Permethrin 0,75%	95	CTK
		Malathion 5%	100	Nhạy
8	X. Quảng Trung, Quảng Xương, Thanh Hóa	Deltamethrin 0,05%	99	Nhạy
		Permethrin 0,75%	100	Nhạy
		Malathion 5%	100	Nhạy
9	P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, Hải Phòng	Deltamethrin 0,05%	94	CTK
		Permethrin 0,75%	99	Nhạy
		Malathion 5%	100	Nhạy
10	X. An Hồng, H. An Dương, Hải Phòng	Deltamethrin 0,05%	100	Nhạy
		Permethrin 0,75%	99	Nhạy
		Malathion 5%	100	Nhạy

Ghi chú: CTK: Có thể kháng

Kết quả thử nhạy cảm muỗi *Aedes albopictus* tại 10 điểm có 6/10 điểm nhạy cảm với deltamethrin (chiếm 60%); 7/10 điểm nhạy cảm permethrin (chiếm 70%); 4/10 điểm có thể kháng với deltamethrin (chiếm 40%); 3/10 điểm có thể kháng với permethrin (chiếm 30%). Tất cả các điểm *Aedes albopictus* nhạy cảm với malathion.

2.3. Kết quả phỏng vấn mức độ của người dân về sốt xuất huyết

Tại mỗi tỉnh giám sát tiến hành phỏng vấn các hộ gia đình (độ tuổi từ 18 tuổi trở lên). Kết quả cho thấy tất cả các địa phương đa số những người dân được phỏng vấn đều có kiến thức hiểu biết tốt về bệnh sốt xuất huyết, muỗi truyền sốt xuất huyết và đánh giá cao về công tác vệ sinh môi trường phòng chống sốt xuất huyết tại địa bàn mình sinh sống.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả giám sát các hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh đã xây dựng kế hoạch cụ thể về điều tra, giám sát định kỳ véc tơ sốt xuất huyết, chuẩn bị vật tư, hóa chất trang thiết bị như máy phun ULV sẵn sàng công tác phun chủ động phòng chống dịch SXH và khi dịch xảy ra.

- Thực hiện tốt công tác giám sát véc tơ và chế độ báo cáo định kỳ về tình hình phòng chống sốt xuất huyết đúng theo đúng quy định.

3.2. Giám sát véc tơ sốt xuất huyết

Trong tổng số 10 điểm điều tra có 2 điểm thu được cả 2 loài *Ae. aegypti* và *Ae. albopictus* và cả 10 điểm thu được loài *Ae. albopictus* với mật độ muỗi, bọ gây khác nhau. Đối với loài muỗi *Ae. aegypti* có mật độ muỗi lần lượt 0,17 con/nhà tại phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng, 0,13 con/nhà tại phường Đông Hải, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chỉ số BI lần lượt là BI = 23,3 tại P. Hồ Nam, Tp. Hải Phòng và BI=26,6 tại p. Đông Hải, Tp. Thanh Hóa.

3.3. Mức độ nhạy cảm của véc tơ sốt xuất huyết với các hóa chất diệt côn trùng

Ae. aegypti ở hầu hết các điểm kháng với deltamethrin, permethrin và còn nhạy malathion.

Ae. albopictus ở hầu hết các điểm còn nhạy với deltamethrin, permethrin và malathion.

3.4. Mức độ của người dân hiểu biết về sốt xuất huyết

Tất cả các địa phương giám sát, đa số những người dân được phỏng vấn đều có kiến thức hiểu biết tốt về bệnh sốt xuất huyết, muỗi truyền sốt xuất huyết và đánh giá cao về công tác vệ sinh môi trường phòng chống sốt xuất huyết tại địa bàn mình sinh sống.

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN KHÁC

1. Nuôi giữ các chủng muỗi và động vật y học

Nuôi duy trì tốt 9 chủng muỗi (*Aedes aegypti*, *Aedes albopictus*, *An. dirus* Khánh Hòa, *An. minimus* Hòa Sơn, *An. epiroticus* Tp. Hồ Chí Minh, *An. epiroticus* Cà Mau, *An. minimus* Quyết Chiến, *An. dirus* Phú Yên), *Culex tritaeniorhynchus* trong phòng thí nghiệm.

Đánh giá mức độ nhạy cảm của các chủng muỗi nuôi trong phòng thí nghiệm

định với một số hóa chất diệt côn trùng như alphacypermethrin, lambdacyhalothrin, deltamethrin và permethrin. Kết quả cho thấy các chủng muỗi nuôi trong phòng thí nghiệm nhạy cảm với các hóa chất thử nghiệm với tỷ lệ muỗi chết 98-100%.

Cung cấp 30 bộ tiêu bản bộ một số loài muỗi cung cấp cho bảo tàng và phục vụ công tác nghiên cứu học tập. Đã đăng ký xong Bằng sở hữu độc quyền về kiểu dáng công nghiệp sản phẩm Hộp đựng tiêu bản côn trùng.

Hoàn thiện 02 quy trình nuôi một số côn trùng truyền bệnh là: quy trình nuôi ruồi nhà *Musca domestica* và quy trình nuôi *Culex tritaeniorhynchus* trong phòng thí nghiệm.

Cấp chủng đầy đủ theo đúng kế hoạch phục vụ nhu cầu nghiên cứu của các đề tài, cho công tác đào tạo, khảo nghiệm hóa chất theo kế hoạch.

2. Bảo quản, tu chỉnh, bổ sung mẫu vật cho bảo tàng côn trùng

Bảo tàng côn trùng được sắp xếp khoa học, hợp lý. Mẫu vật chủ được bảo quản tốt. Mẫu côn trùng được sắp xếp theo các bộ, giống, loài và quản lý bằng phần mềm Excel trong máy tính.

Bảo quản tốt 41.007 mẫu vật côn trùng và vật chủ bao gồm: 40 mẫu vật chủ, 1370 mẫu côn trùng cơ bản, 38.786 mẫu vật côn trùng y học gây bệnh, 851 mẫu vật côn trùng phục vụ sản xuất tiêu bản.

Đã tiến hành 3 lần xử phun xử lý môi, mọt 3 lần.

Đã thay thế 30 lọ thủy tinh đựng mẫu vật ve đảm bảo mẫu vật được bảo quản tốt


Đã in thay thế 20 tranh về côn trùng trưng bày theo thiết kế bảo tàng.

Đã bổ sung 300 mẫu côn trùng cho bảo tàng.

Đã đăng ký xong Bằng sở hữu độc quyền về kiểu dáng công nghiệp sản phẩm Hộp đựng tiêu bản côn trùng.

Phần 2: ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG CÔN TRÙNG 2022

1. Giám sát công tác phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét, sốt xuất huyết và các côn trùng truyền bệnh. Đánh giá độ nhạy cảm của muỗi truyền bệnh sốt rét, sốt xuất huyết đối với một số hóa chất diệt côn trùng.
2. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ tham gia công tác phòng chống côn trùng 28 miền Bắc.
3. Thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng các biện pháp phòng chống véc tơ; Sản xuất các tiêu bản, mẫu vật côn trùng làm quà tặng hoặc mô hình học tập.
4. Đề xuất biện pháp không chế kịp thời, có hiệu quả đối với các loài côn trùng nguy hiểm, được dư luận quan tâm. Tăng cường hoạt động của đội đặc nhiệm phòng chống côn trùng gây bệnh.
5. Xây dựng bản đồ phân bố véc tơ, bản đồ kháng hóa chất của muỗi Anopheles, Aedes.
6. Xây dựng bộ mẫu chuẩn: Muỗi Culicinae, ve, mò, mạt, bọ chét ... để cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.
7. Xây dựng quy trình nhận nuôi một số loại côn trùng phục vụ cho việc đúc trong nhựa cứng trong để trưng bày tiến tới phát triển dịch vụ.
8. Nâng cấp, số hóa bảo tàng côn trùng y học, ngân hàng tiêu bản muỗi; Bảo quản, tu chỉnh, bổ sung tiêu bản muỗi, tiêu bản côn trùng y học và vật chủ của bảo tàng côn trùng để phục vụ nghiên cứu và đào tạo.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học trong nước: Nhiệm vụ khoa học cấp bộ, 2 nhiệm vụ khoa học cấp viện, 2 nhiệm vụ thường quy.
10. Xây dựng kế hoạch và triển khai các dự án hợp tác quốc tế: WHO, KCDC, HPA,...
11. Nuôi giữ chủng muỗi thường quy đáp ứng nhu cầu cấp chủng phục vụ nghiên cứu và đào tạo; Nuôi giữ động vật phục vụ nghiên cứu.
12. Phối hợp với Trung tâm Phòng chống côn trùng tổ chức các hoạt động dịch vụ: Tư vấn phòng chống côn trùng, phun diệt côn trùng, phòng chống mối...
13. Tham gia đào tạo, đào tạo liên tục về muỗi sốt rét, sốt xuất huyết, côn trùng y học.

VIỆN TRƯỞNG

Trần Thanh Dương